

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/HN-ST

Ngày: 18-11-2025

“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Vân
2. Ông Nguyễn Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 197/2025/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2025/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.
2. Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T1, tỉnh Vĩnh Long.

Chị P và anh S cùng có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 23/9/2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị P trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Trần Văn S. Lý do: Cả hai quen biết mới tự nguyện tiến đến hôn nhân. Chị và anh S đã sống chung với nhau 13 năm nhưng đến ngày 21/9/2020 mới đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung thời gian đầu có hạnh phúc. Nhưng sau đó khoảng năm 2024 phát sinh mâu thuẫn do anh S có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị phát hiện vào tháng 8/2024, chị có khuyên anh nhiều lần, anh S có hứa nhiều lần nhưng không thay đổi. Chị đã đi về sống ở bên ruột của chị tổng cộng 03 lần nhưng anh S không thay đổi nên chị không còn sống chung với anh S nữa. Chị quyết định và suy nghĩ rất kỹ, thấy rằng không còn tình cảm nên xin ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

Không còn yêu cầu nào khác.

** Bị đơn anh Trần Văn S trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

1. Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị P. Lý do không đồng ý là do anh còn thương vợ, không muốn ly hôn. Anh thừa nhận anh có mối quan hệ tình cảm với người khác như chị P trình bày, thời gian khoảng 01 năm. Sau khi chị P về bên ruột khoảng nửa tháng và làm đơn ly hôn thì anh đã cắt đứt quan hệ với người đó. Anh hứa sẽ cắt đứt quan hệ tình cảm với người đó, muốn chị P rút đơn ly hôn về đoàn tụ nhưng chị P không đồng ý. Anh thừa nhận việc chị P làm đơn ly hôn với anh là do lỗi của anh. Anh biết lỗi và đã năn nỉ nhiều lần nhưng chị P không chịu. Chị P không rút đơn thì anh vẫn kiên quyết không ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”. Trong đó xác định chị Nguyễn Thị P là nguyên đơn, anh Trần Văn S là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P, thấy rằng:

Tại phiên toà, chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh S. Anh S không đồng ý.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh S là có thật. Nguyên nhân do anh S có mối quan hệ tình cảm với người khác thời gian dài, chị P có can ngăn nhiều lần nhưng anh S không thay đổi. Chị P về bên ruột sống và làm đơn xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cũng đã tạo điều kiện để cho vợ chồng hòa giải tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng chị P kiên quyết ly hôn và không có ý muốn hoà giải đoàn tụ với anh S. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, lỗi dẫn đến việc chị P xin ly hôn thuộc về anh S. Anh S không đồng ý ly hôn nhưng không tìm được cách thuyết phục chị P hàn gắn, đoàn tụ, không có cách khắc phục mâu thuẫn. Nay mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2.2. Về con chung: Chị P và anh S cùng trình bày không có, không giải quyết.

2.3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị P và anh S cùng trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị P và anh S cùng trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị P chịu theo quy định. Tuy nhiên, chị thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Trần Văn S.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn S cùng trình bày không có, không giải quyết.
3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn S cùng trình bày không có, không giải quyết.
4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn S cùng trình bày không có, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị P chịu. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị P được miễn theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thuý Hằng